



TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

RESOURCES AND ENVIRONMENT

HÀNH ĐỘNG
KỶ CƯƠNG
TRÁCH NHIỆM
SÁNG TẠO
BỨT PHÁ
VỀ ĐÍCH



SỐ 2
2/2020

TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

RESOURCES AND ENVIRONMENT

(Tài liệu phục vụ cho cán bộ lãnh đạo và tuyên truyền về lĩnh vực tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh)

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN VĂN HÙNG

Ban biên tập
TRẦN VĂN HÙNG
ĐINH THỊ NHANH
DƯƠNG VĂN HIỆP
NGUYỄN VĂN KHA
TRẦN THÁI MINH
LÊ THỊ BÉ BA
NGUYỄN VŨ SƠN

Cơ quan biên soạn:
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ:
Số 478A, Mậu Thân, Khóm 3,
Phường 6, thành phố Trà Vinh,
tỉnh Trà Vinh.
Số điện thoại: 0294.3840280.
Email: stnmt@travinh.gov.vn

Giấy phép xuất bản:

Số 19/GP - STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13/02/2020

Số kỳ/số lượng phát hành:

Thông tin phát hành 12 kỳ/năm, số lượng là 1.646 bản, khổ 20,5 cm x 29,7cm. In tại Xí nghiệp in – Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - Địa chỉ: 128C/22 Đại La, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.



Mục lục

	<i>Trang</i>
Trong số này	
THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN TRÍ DŨNG, UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ĐẢNG - BÍ THƯ TỈNH ỦY TRÀ VINH	1
CHÍNH SÁCH MỚI - SỰ KIỆN	
10 SỰ KIỆN NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019	2
MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA NĂM 2019	5
SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG GIAO NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP NĂM 2020	9
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI VÀ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	11
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
DIỄN BIẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC TỚI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	12
THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN THÁNG 02 NĂM 2020 TỈNH TRÀ VINH	17
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	
ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KNH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH NĂM 2019	19
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁC	
KẾ HOẠCH TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHO ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 03 CẤP	20
NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020 CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	22



THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN TRÍ DŨNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BÍ THƯ TỈNH ỦY TRÀ VINH

Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh; các đồng chí lãnh đạo các huyện, thị xã, thành phố và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn trong tinh thần mến!

Trải qua hơn 04 năm của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ X với sự đoàn kết, nỗ lực không ngừng của các cấp, các ngành và toàn dân nên chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được nhiều thành tựu hết sức nổi bật, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đứng đầu đồng bằng sông Cửu Long, bình quân 12,06%/năm, riêng năm 2019 tăng 14,85%. So với năm 2015, các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ đều tăng cao, trong đó công nghiệp tăng 2,5 lần; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong GRDP tăng từ 56,21% lên 68,26%. Quy mô nền kinh tế tăng 02 lần, từ 30.865 tỷ đồng lên 59.636 tỷ đồng. Thu ngân sách nội địa tăng 03 lần, từ 1.593 tỷ đồng lên 4.867 tỷ đồng, số doanh nghiệp tăng 2 lần, từ 1.230 doanh nghiệp lên 2.498 doanh nghiệp. Số xã nông thôn mới tăng trên 2,8 lần, từ 20/85 xã lên 57/85 xã và có 02 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (huyện Tiểu Cần, thị xã Duyên Hải), đang đề nghị Trung ương xem xét công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Tiềm lực phát triển của tỉnh có sự chuyển biến mạnh mẽ, nhất là sau khi luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu, cầu Cổ Chiên và một số công trình trọng điểm được hoàn thành và đưa vào sử dụng, mở ra nhiều hướng đi mới, mang tính đột phá cho phát triển của tỉnh nhà. Các lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên toàn diện; trong đó, thu nhập bình quân đầu người tăng 02 lần, từ 30 triệu/người/năm lên 59,09 triệu/người/năm; giải quyết việc làm hàng năm trên 22.000 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo từ trên 13% năm 2015 giảm còn 3,33% năm 2019. Những thành tựu đạt được là rất đáng tự hào, là kết quả của sự phấn đấu, nỗ lực của toàn đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh nhà; trong đó, có sự cố gắng, nỗ lực không nhỏ của các đồng chí, là những người đứng đầu ở các ngành, các lĩnh vực và địa phương. Tôi rất trân trọng và đánh giá cao những nỗ lực đầy trách nhiệm và đóng góp của các đồng chí cho sự phát triển trên quê hương Trà Vinh thân yêu của chúng ta.

Tuy nhiên, nhìn lại 04 năm đã qua, chúng ta nhận thấy nhiều điều chưa thật sự thỏa mãn và còn rất nhiều điều phải suy tư và trăn trở, cần nỗ lực, phấn đấu nhiều hơn như: Mô hình tăng trưởng kinh tế chưa hình thành rõ nét; tái cơ cấu kinh tế chưa đi vào chiều sâu; kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu; công nghiệp chế biến chậm phát triển; khoa học - công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế; chất lượng xây dựng nông thôn mới và nhiều hợp tác xã còn yếu, lực lượng doanh nghiệp còn nhỏ bé; cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa thật sự bền vững... đặc biệt là vẫn còn không ít cán bộ, nhất là cán bộ đứng đầu ngành và địa phương của chúng ta vẫn chưa có nhiều quyết tâm và hoài bão lớn, vẫn còn hạn chế về năng lực, trình độ và trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; còn có đồng chí chưa thật sự vì Đảng, vì dân phục vụ và còn có cả một bộ phận có biểu hiện suy thoái; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn nguy cơ tiềm ẩn mất ổn định.

Bước sang năm 2020, năm có ý nghĩa rất quan trọng, đánh dấu sự chuyển mình toàn diện về kinh tế - xã hội sau 05 năm phấn đấu, nỗ lực của toàn đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh nhà đã xây dựng nên nền tảng lớn cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Mặc dù còn có khó khăn nhưng với những thành tựu đã đạt được, cùng với tinh thần đoàn kết, ý chí tự vươn lên, đặc biệt là khát vọng đưa tỉnh nhà phát triển nhanh chóng và giàu mạnh, bằng tinh cảm và trách nhiệm của mình, tôi tin tưởng và kỳ vọng ở các đồng chí sẽ rút ra và khắc phục được những khiếm khuyết vừa qua, tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân và trước các thế hệ lãnh đạo tỉnh nhà, tiếp tục nêu cao tinh thần chủ động, quyết tâm, dám nghĩ, dám làm và làm một cách chắc chắn và sáng tạo, dám xông pha vào những việc khó khăn nhất với những giải pháp đồng bộ, quyết liệt nhất để phát triển bền vững, toàn diện kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, nhanh chóng đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển phồn vinh, giàu mạnh.

Nhân dịp năm mới, tôi xin chúc các đồng chí và gia đình luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, thành công!

10 SỰ KIỆN

NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

■ Nguyễn Vũ Sơn¹

1 **Nỗ lực thực hiện cam kết giải quyết vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa.** Hàng loạt hoạt động trong nước và quốc tế được thực hiện như ký kết Ý định thư giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Diễn đàn Kinh tế thế giới về hợp tác xử lý rác thải nhựa; thành lập Liên minh chống rác thải nhựa... Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ tham dự, chỉ đạo Lễ ra quân chống rác thải nhựa tại Thủ đô Hà Nội tháng 6 năm 2019 và tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường; môi trường là 3 trụ cột phát triển bền vững; kêu gọi toàn thể cộng đồng nâng cao trách nhiệm xã hội, chung tay chống rác thải nhựa, tích cực tham gia phân loại, thu hồi, tái chế, tái sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa sử dụng một lần; quyết tâm phấn đấu đến năm 2025 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 gồm 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thống nhất thực hiện các biện pháp giảm rác thải nhựa đại dương từ đất liền ra biển. Hiện các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp đang tích cực xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động phòng chống rác thải nhựa; từng bước thay đổi nhận thức, hành vi ứng xử với các sản phẩm nhựa tại Việt Nam trong xu thế phát triển chung toàn cầu.



1 - Đơn vị Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường

2 **Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong triển khai các giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long.** Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2019 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP nhằm nâng cao sự nỗ lực của các cấp, các ngành trước những tác động kép của biến đổi khí hậu và nhân sinh; tăng cường thể chế điều phối, liên kết vùng, các nguồn lực và huy động sự tham gia của doanh nghiệp, khối tư nhân cùng với các cơ chế tài chính phù hợp để thực hiện các chương trình, dự án về hạ tầng phục vụ chuyển đổi quy mô lớn; đẩy nhanh quy hoạch tổng thể phát triển vùng, hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu liên ngành, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu dân cư phục vụ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trước đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP với 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể; chủ trì Hội nghị đánh giá kết quả hai năm thực hiện Nghị quyết vào tháng 6 năm 2019 tại thành phố Hồ Chí Minh với nhiều chỉ đạo, giải pháp có tính chiến lược.

3 **Ngành khí tượng thủy văn Việt Nam khẳng định lịch sử hình thành và phát triển; chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng.** Đại diện thường trực của Việt Nam được Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) tín nhiệm bầu giữ vị trí Phó Chủ tịch Hiệp hội khí tượng Châu Á khu vực 2 (RA II); tham gia chương trình của Khóa họp Đại hội đồng Khí tượng Thế giới lần thứ 18; quản lý, vận hành, chia sẻ hiệu quả thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho khu vực Đông Nam Á thông qua Trung tâm Hỗ trợ dự báo khu vực và nhiều hoạt động quốc tế khác. Ghi nhận lịch sử hình thành, phát triển cũng như khẳng định vị trí, vai trò, đóng góp to lớn của ngành khí tượng thủy văn Việt Nam trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước và hội nhập quốc tế, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1821/



QĐ-TTg lấy Ngày 03 tháng 10 hằng năm là Ngày truyền thống ngành khí tượng thủy văn Việt Nam.

Đặc biệt, Tổ chức Khí tượng thế giới đã ghi nhận năm 2019, sóng nhiệt xuất hiện nhiều hơn; El Nino và biến đổi khí hậu làm gia tăng các đợt nắng trên toàn cầu với thời gian kéo dài và mức độ gay gắt ở nhiều khu vực thuộc Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Úc... Ở nước ta xảy ra 2 đợt nắng nóng kéo dài 25 đến 27 ngày liên tục với nhiệt độ trên 40 °C ở Bắc Bộ và Trung Bộ, trong đó nhiệt độ cao nhất quan trắc được từ trước đến nay ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh với trị số lên đến 43,4 °C.

4 Nhiều sự cố, vấn đề liên quan đến môi trường phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân. Điển hình như vụ cháy xảy ra tại Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thuộc quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước; xả thải gây ô nhiễm nguồn nước của Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (Viwasupco) gây khủng hoảng nước sạch nhiều quận, huyện thành phố Hà Nội trong nhiều ngày; các đợt ô nhiễm không khí nghiêm trọng xảy ra tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh đã tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường sống của người dân... Qua đây, vấn đề bảo vệ môi trường, an ninh môi trường cho đời sống dân sinh cần các giải pháp tổng thể và liên ngành trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh hiện nay.

5 Việt Nam hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch Ủy ban Liên hợp Ủy hội sông Mê Công quốc tế. Cùng các quốc gia thành viên Ủy hội đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các cam kết trong Tuyên bố Siem Riệp 2018; thực hiện Chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch Chiến lược của Ủy hội giai đoạn 2016 - 2020; cập nhật Chiến lược phát triển lưu vực cho giai đoạn 10 năm tới và các Chiến lược về phát triển thủy điện bền vững, quản lý hạn; thực hiện bộ Quy chế sử dụng nước, trong đó chú trọng Thủ tục Thông báo, Tham vấn trước và Thỏa thuận đối với các dự án thủy điện dòng chính sông Mê Công. Thông qua Tuyên bố chung về tham vấn Dự án thủy điện Pắc Beng, Pắc Lay và dự án thủy điện Luông Phra-bang theo lộ trình. Tổ chức thành công hai Hội nghị toàn thể Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; hiện đang tích cực triển khai thực hiện

thông báo sau Hội nghị về tăng cường chia sẻ thông tin phát triển trên lưu vực về tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước, diễn biến dòng chảy sông Mê Công; nhận định, dự báo về tình hình hạn hán và thiếu nước mùa khô 2019 - 2020; hỗ trợ các cơ quan, địa phương trong vấn đề sạt lở, sụt lún, xâm nhập mặn thông qua các báo cáo, nghiên cứu, xây dựng giải pháp ứng phó.

6 Khánh thành hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia (VNGEONET); hoàn thành công tác đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia phục vụ ký các văn kiện pháp lý ghi nhận thành quả phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia năm 2019. Đây là lần đầu tiên Việt Nam đầu tư, vận hành mạng lưới các trạm định vị vệ tinh thu liên tục tín hiệu từ hệ thống định vị toàn cầu bằng vệ tinh (GNSS) gồm 65 trạm phủ trùm cả nước; làm khung tham chiếu quốc gia xác định dịch chuyển mảng; cung cấp dịch vụ định vị qua hệ thống sóng 3G, 4G theo thời gian thực độ đảm bảo chính xác cao. Đặc biệt, ưu điểm độ chính xác cao, thời gian định vị nhanh, công nghệ trạm định vị vệ tinh quốc gia sẽ dần thay thế công nghệ đo đạc truyền thống trong tương lai gần, thúc đẩy nghiên cứu khoa học về Trái đất; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng. Đây là một trong những công trình khoa học công nghệ tiêu biểu Kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống ngành đo đạc và bản đồ Việt Nam (14/12/1959 - 14/12/2019).

Trong năm 2019 đã hoàn thành công tác kỹ thuật đo đạc, bản đồ về phân giới, cắm mốc tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia phục vụ ký văn kiện "Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005" và "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia" tháng 10 năm 2019. Đến nay, hai bên đã hoàn thành phân giới, cắm mốc đối với 1.045km đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, xây dựng được 315 cột mốc chính, 1.511 cột mốc phụ và 221 cọc dấu để tiến tới mục tiêu hoàn thành 100% khối lượng trên toàn tuyến; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh của đất nước.

7 Hoàn thành bộ bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1/200.000 thống nhất theo hệ quy chiếu quốc gia VN-2000 trên quy mô toàn quốc. Sau bộ bản đồ địa chất thủy văn toàn quốc tỷ lệ 1/500.000 được thành lập năm 1987, đây là lần đầu tiên, bộ bản đồ chuyên ngành lĩnh vực tài nguyên nước dưới đất được thiết lập, cập nhật, bổ sung các nguồn thông tin dữ liệu hiện có trên toàn quốc. Các khái niệm, phương pháp tính toán xác định tài nguyên nước dự báo, trữ lượng có thể khai thác, lượng tích chứa, trữ lượng tích chứa, trữ lượng động, lượng bổ cập được cập nhật theo các quan điểm, thành tựu khoa học mới nhất của thế giới. Bộ bản đồ đã được bàn giao để làm cơ sở thông tin dữ liệu tài nguyên nước dưới đất, phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng, các địa phương.

8 Năm có nhiều nhất Vườn di sản ASEAN được Ban Thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) công nhận. Đó là Vườn quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh; Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng; Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, tỉnh Tây Ninh và Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, tỉnh Kon Tum. Qua đó, đưa nước ta trở thành quốc gia có nhiều nhất vườn Di sản của khu vực ASEAN với tổng số 10 Vườn đến thời điểm hiện nay. Việc công nhận danh hiệu Vườn di sản góp phần quan trọng đối với công tác bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, giá trị đa dạng sinh học, du lịch, văn hóa, lịch sử của Việt Nam cũng như cộng đồng ASEAN.



9 Hoàn thành các chỉ tiêu thực hiện Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, cải cách hành chính, đổi mới phương thức làm việc theo hướng điện tử hóa, nâng

cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thành về đích trước 01 năm các chỉ tiêu xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 17/NQ-CP của Chính phủ; là bộ ngành đầu tiên phê duyệt Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0. Đã ứng dụng thành công nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để thay đổi phương thức làm việc truyền thống bằng môi trường mạng điện tử; gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ngành tài nguyên và môi trường từng bước chuyển đổi, tiến tới ngành tài nguyên và môi trường số, tiếp cận với cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năm 2019, chỉ số hài lòng người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của ngành tiếp tục được nâng cao.

10 Hoạt động bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững được các địa phương tích cực thực hiện. Điển hình thành phố Đà Nẵng tổng kết 10 năm thực hiện Đề án thành phố môi trường. 10 năm qua, nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết tâm, đồng thuận, chung sức thực hiện nhiều nhiệm vụ, chương trình hành động nhằm nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường dựa trên xu thế phát triển đô thị trong bối cảnh hội nhập, phát triển toàn cầu và tác động của biến đổi khí hậu; bảo tồn gắn với quản lý, khai thác các giá trị tài nguyên thiên nhiên để trở thành tiêu điểm và hấp dẫn toàn cầu về điểm đến du lịch sinh thái, thân thiện môi trường. Đà Nẵng đang tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phong trào bảo vệ môi trường xây dựng nông thôn mới được các địa phương cả nước hưởng ứng sâu rộng, trong đó tỉnh Nam Định được Thủ tướng Chính phủ công nhận về đích sớm hơn một năm xây dựng nông thôn mới; hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1422/QĐ-TTg. Nhiều công trình bảo vệ môi trường nông thôn được tập trung đầu tư, chất lượng môi trường được nâng cao. Hiện tỉnh Nam Định tập trung nguồn lực thực hiện xây dựng mô hình huyện nông thôn mới kiểu mẫu với các tiêu chí về môi trường như Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp để phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2025./.

(Nguồn Quyết định số 79/QĐ-BTNMT ngày 01/01/2020 của Bộ TN&MT)



MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA NĂM 2019

■ Nguyễn Quốc Tuấn ¹

Tác hại của rượu, bia là ảnh hưởng, tác động có hại của rượu, bia đối với sức khỏe con người, gia đình, cộng đồng, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế và các vấn đề xã hội khác.

(1) Đối với sức khỏe: Rượu, bia là nguyên nhân trực tiếp của 30 bệnh, chấn thương và là nguyên nhân gián tiếp của ít nhất 200 loại bệnh tật như: gây ung thư (gan, khoang miệng, thanh quản, thực quản, tụy, thận, đại - trực tràng, vú); gây rối loạn tâm thần kinh (loạn thần, trầm cảm, rối loạn lo âu, giảm khả năng tư duy); bệnh tim mạch (nhồi máu cơ tim, đột quy); bệnh tiêu hóa (tổn thương gan, xơ gan, viêm tụy cấp tính hoặc mạn tính); ảnh hưởng tới chất lượng giống nòi và phát triển bào thai; suy giảm miễn dịch...

(2) Đối với gia đình và xã hội, hệ lụy do sử dụng rượu, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh, trật tự, gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

(3) Đối với kinh tế, sử dụng rượu, bia có thể gây ra gánh nặng kinh tế đối với cá nhân, gia đình và toàn xã hội do liên quan đến các phí tổn về chăm sóc sức khỏe, giảm hoặc mất năng suất lao động và giải quyết các hậu quả xã hội khác. Tại Việt Nam, phí tổn kinh tế do rượu, bia ước tính khoảng 65.000 tỷ đồng (1,3% GDP), gấp trên 1.5 lần mức đóng góp cho ngân sách nhà nước của ngành sản xuất rượu bia, nước giải khát. Chi phí của người dân cho tiêu thụ chỉ riêng đối với bia của Việt Nam năm 2017 là gần 4 tỷ USD.

Như vậy, việc sử dụng rượu, bia nhiều và thường xuyên tại Việt Nam đang ở mức báo động, tác hại do sử dụng rượu, bia gây ra đối với sức khỏe và xã hội, kinh tế đang ngày càng trầm trọng, gia tăng tỷ lệ thuận với mức độ gia tăng tiêu thụ rượu, bia. Đó thực sự là trở ngại lớn đối với việc thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, gánh nặng này ngày càng gia tăng nếu thiếu đáp ứng kịp thời về chính sách, pháp luật.

Do đó, ngày 14/6/2019, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14. Luật này chính



thức được áp dụng từ ngày 01/01/2020 là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 gồm có 07 chương, 36 điều.

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định các biện pháp, cách thức cụ thể để phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe và các hệ lụy xã hội khác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng rượu, bia; tập trung quy định các biện pháp giảm cầu, giảm cung, giảm tác hại của rượu, bia; chú trọng biện pháp quản lý toàn diện đối với sản xuất rượu thủ công theo hướng: bên cạnh các quy định chung cho cả sản xuất rượu thủ công và sản xuất rượu công nghiệp, còn có thêm các quy định đặc thù cho sản xuất rượu thủ công. Ngoài ra, còn có một số quy định về khuyến mại, quảng cáo, sản xuất, mua bán rượu, bia trong Luật, có tách riêng rượu và bia để quản lý trên cơ sở nồng độ cồn trong sản phẩm.

Cụ thể, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định biện pháp giảm mức tiêu thụ rượu, bia; biện pháp quản lý việc cung cấp rượu, bia; biện pháp giảm tác hại của rượu, bia; điều kiện bảo đảm cho hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

¹ - Đơn vị Chi cục Bảo vệ Môi trường



2. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

- Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm.

- Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.

- Cồn thực phẩm là hợp chất hữu cơ có công thức phân tử là C_2H_5OH và có tên khoa học là ethanol đã được loại bỏ tạp chất, đạt yêu cầu dùng trong thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có khả năng gây nghiện và gây ngộ độc cấp tính.

- Độ cồn là số đo chỉ hàm lượng cồn thực phẩm có trong rượu, bia tính theo phần trăm thể tích. Độ cồn được tính bằng số mililit ethanol nguyên chất trong 100 ml dung dịch ở 20 °C.

- Nghiện rượu, bia là tình trạng lệ thuộc vào rượu, bia với biểu hiện đặc trưng như thường xuyên thêm uống, lượng uống có thể tăng theo thời gian, không thể tự kiểm soát lượng uống hay ngừng uống.

- Sản xuất rượu thủ công là hoạt động sản xuất rượu bằng dụng cụ truyền thống, không sử dụng máy móc, thiết bị công nghiệp.

- Sản xuất rượu công nghiệp là hoạt động sản xuất rượu bằng máy móc, thiết bị công nghiệp.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia (Điều 5)

Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia gồm:

(1) Xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia;

(2) Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia;

(3) Bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi;

(4) Sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia;

(5) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân, học sinh, sinh viên uống rượu, bia ngay trước, trong giờ làm việc, học tập và nghỉ giữa giờ làm việc, học tập;

(6) Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;

(7) Quảng cáo rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên;

(8) Cung cấp thông tin không chính xác, sai sự

thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe;

(9) Khuyến mại trong hoạt động kinh doanh rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên; sử dụng rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên để khuyến mại dưới mọi hình thức;

(10) Sử dụng nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến không được phép dùng trong thực phẩm; nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không bảo đảm chất lượng và không rõ nguồn gốc, xuất xứ để sản xuất, pha chế rượu, bia;

(11) Kinh doanh rượu không có giấy phép hoặc không đăng ký; bán rượu, bia bằng máy bán hàng tự động;

(12) Kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển rượu, bia giả, nhập lậu, không bảo đảm chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, nhập lậu rượu, bia;

(13) Các hành vi bị nghiêm cấm khác liên quan đến rượu, bia do luật định.

4. Địa điểm không uống rượu, bia (Điều 10)

Địa điểm không uống rượu, bia là các địa điểm mà việc sử dụng rượu, bia có thể tác động đến cộng đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến các nhóm đối tượng cần được bảo vệ như: người dưới 18 tuổi, người bệnh, học sinh, sinh viên và gây ảnh hưởng đến chất lượng lao động, nghiêm trọng hơn đó là ảnh hưởng đến thể hệ tương lai của đất nước. Cụ thể địa điểm không uống rượu, bia:

(1) Cơ sở y tế;

(2) Cơ sở giáo dục trong thời gian giảng dạy, học tập, làm việc;

(3) Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi;

(4) Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác;

(5) Cơ sở bảo trợ xã hội;

(6) Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian làm việc, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia;

(7) Các địa điểm công cộng theo quy định của Chính phủ.

5. Quản lý kinh doanh rượu (Điều 15)

Điều kiện để được cấp phép sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ trở lên gồm: (1) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; (2) Có dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất; (3) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; (4) Có nhân



viên kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

Điều kiện để được cấp phép sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên nhằm mục đích kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 gồm: (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật; (2) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

Điều kiện đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại gồm: (1) Có hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu và có đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở sản xuất; (2) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

Điều kiện cấp phép để được mua bán rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên gồm: (1) Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; (2) Đáp ứng điều kiện theo từng loại hình mua bán rượu.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và quy định việc quản lý kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

6. Địa điểm không bán rượu, bia (Điều 19)

Địa điểm không bán rượu, bia, gồm:

- (1) Cơ sở y tế;
- (2) Cơ sở giáo dục;
- (3) Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi;
- (4) Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác;
- (5) Cơ sở bảo trợ xã hội;
- (6) Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.

7. Phòng ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia (Điều 21)

(1) Người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông;

(2) Người đứng đầu cơ sở kinh doanh vận tải, chủ phương tiện giao thông vận tải có trách nhiệm chủ động thực hiện biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn người điều khiển phương tiện vận tải uống rượu, bia ngay trước và trong khi tham gia giao thông;

(3) Cơ quan, người có thẩm quyền có trách

nhiệm kiểm tra nồng độ cồn trong máu, hơi thở của người điều khiển phương tiện giao thông đang tham gia giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông;

(4) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng nội dung và tổ chức việc đào tạo về phòng, chống tác hại của rượu, bia trong chương trình đào tạo cấp bằng, chứng chỉ, giấy phép điều khiển phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý.

8. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tác hại của rượu, bia

8.1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống tác hại của rượu, bia (Điều 30)

8.2. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội (Điều 31)

8.3. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia (Điều 32)

8.4. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia (Điều 33)

(1) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia; tổ chức thực hiện nghiêm quy định không uống rượu, bia trong thời gian làm việc, tại nơi làm việc của cơ quan, tổ chức.

(2) Người đứng đầu tổ dân phố, khu phố, khối phố, thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc, tổ chức tại cơ sở, cộng đồng tham gia các hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định tại Điều 24 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.

8.5. Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu, bia (Điều 34)

(1) Giáo dục, giám sát, nhắc nhở thành viên chưa đủ 18 tuổi không uống rượu, bia, các thành viên khác trong gia đình hạn chế uống rượu, bia; động viên, giúp đỡ người nghiện rượu, bia trong gia đình cai nghiện rượu, bia;

(2) Hướng dẫn các thành viên trong gia đình kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết, ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia và thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia;

(3) Tham gia với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng thực hiện phòng, chống tác hại của rượu, bia.

9. Hiệu lực thi hành

Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020;



MỘT SỐ ĐIỂM CẦN GHI NHỚ CỦA LUẬT

1. Đã uống rượu, bia thì không được lái xe

Tại Điều 5 của Luật này, có 13 hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia. Trong đó đáng chú ý là hành vi: “Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”.

Luật cũng nghiêm cấm: Xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia; Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia; Quảng cáo rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên; Cung cấp thông tin không chính xác, sai sự thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe...

2. Phải dán thông báo không bán rượu, bia cho người dưới 18 tuổi

“Cơ sở bán, rượu, bia phải niêm yết thông báo không bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người mua rượu, bia thì người bán có quyền yêu cầu người mua xuất trình giấy tờ chứng minh”.

Từ ngày 01/01/2020, các cơ sở có bán rượu, bia, như các cửa hàng tạp hóa, các siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, quán ăn... cần phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định nêu trên.

3. Quán nhậu hỗ trợ gọi taxi cho khách sau khi uống rượu, bia

“Cơ sở bán rượu, bia tiêu dùng tại chỗ nhắc nhở và có hình thức thông tin phù hợp đối với khách hàng về việc không điều khiển phương tiện giao thông, hỗ trợ khách hàng thuê, sử dụng phương tiện giao thông công cộng sau khi uống rượu, bia”.

4. Không mở mới điểm bán rượu, bia gần trường học, bệnh viện

Kể từ ngày 01/01/2020, không được mở mới các

điểm bán rượu, bia để tiêu dùng tại chỗ trong bán kính 100m tính từ khuôn viên của cơ sở y tế, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

Điểm bán rượu, bia để tiêu dùng tại chỗ có thể hiểu là các quán bia, nhà hàng có phục vụ rượu...

5. Thành viên gia đình được hướng dẫn kỹ năng từ chối uống rượu, bia

Các gia đình có trách nhiệm giáo dục, giám sát, nhắc nhở thành viên chưa đủ 18 tuổi không uống rượu, bia, các thành viên khác trong gia đình hạn chế uống rượu, bia.

Đồng thời, cần hướng dẫn các thành viên trong gia đình kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết, ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia và các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia.

6. Không quảng cáo rượu, bia dưới 5,5 độ trong khung giờ “vàng”

Việc quảng cáo đối với rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên bị nghiêm cấm. Riêng trong trường hợp quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt tại khoản 3 Điều 12 của Luật, cụ thể:

- Không quảng cáo trên truyền hình trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hàng ngày, trừ trường hợp quảng cáo có sẵn trong các chương trình thể thao mua bản quyền tiếp sóng trực tiếp từ nước ngoài...
- Không quảng cáo trên báo nói, trên truyền hình ngay trước, trong và sau chương trình dành cho trẻ em;
- Không quảng cáo trên phương tiện giao thông;

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 100/2019/NĐ-CP

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt

Nghị định số 100/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP và có hiệu lực từ 01/01/2020.

Một trong những điểm mới đáng chú ý nhất của Nghị định 100 là các quy định về tăng mức xử phạt đối với các vi phạm liên quan đến nồng độ cồn. Cụ thể:

- (1) Người điều khiển xe ô tô vi phạm nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở (mức cao nhất) sẽ bị phạt tiền từ 30 đến 40 triệu đồng, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 đến 24 tháng;
- (2) Cùng với hành vi vi phạm như trên nếu là người điều khiển xe mô tô sẽ phải chịu mức xử phạt từ 6 đến 8 triệu đồng, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 đến 24 tháng
- (3) Người điều khiển xe đạp, xe thô sơ sẽ bị phạt từ 400-600 ngàn đồng./.



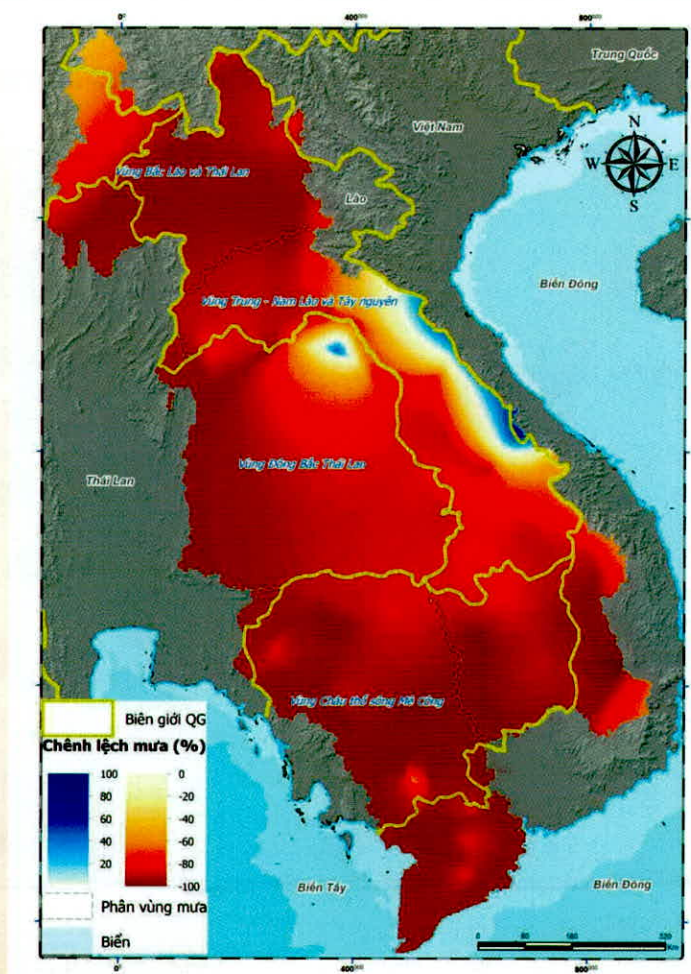
b. Dự báo xâm nhập mặn:

Do dòng chảy về Đồng bằng sông Cửu Long dự báo sẽ bị sụt giảm tương đối lớn và căn cứ dự báo chế độ triều nên hiện tượng xâm nhập mặn tháng 2/2020 vùng ven biển sẽ tăng mạnh. Đường ranh mặn 4g/l vào sâu nhất trên ba nhánh sông lớn là sông Hậu (nhánh Cổ Chiên), sông Tiền (nhánh Hàm Luông) và sông Vàm Cỏ Tây đều tiếp tục vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 14 đến 24 km, và tương đương hoặc tăng nhẹ so với cùng kỳ tháng 2/2016 từ 2 đến 6 km.

Trong trường hợp cực đoan nêu trên, dự báo xâm nhập mặn trên ba nhánh sông nêu trên sẽ vào sâu hơn từ 20-30 km so với trung bình nhiều năm và 3-12 km so với cùng kỳ năm 2016 (Chi tiết xem Bảng 6 và Bản đồ 3 ở Phụ lục 3).

Xâm nhập mặn vào sâu nhất	Sông Hậu	Sông Tiền	Vàm Cỏ Tây
Trung bình nhiều năm	51	43	80
Tháng 2/2016	68	55	98
Tháng 2/2020	70 (73)	57 (60)	104 (110)
Chênh lệch so với TBNN	+19 (+22)	+14 (+17)	+24 (+30)
Chênh lệch so với tháng 2/2016	+2 (+3)	+2 (+5)	+6 (+12)

Bản đồ 1. Chênh lệch (%) lượng mưa so với trung bình nhiều năm, tháng 1/2020



Bản đồ 2. Tình hình xâm nhập mặn (ranh mặn 4g/l) tháng 1/2020



Bản đồ 3. Dự báo xâm nhập mặn (ranh mặn 4g/l) tháng 2/2020



(Nguồn; CV số:31/VPUBSMC ngày 03/02/2020 của Ủy ban Sông Mê Công Việt Nam)



HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI VÀ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

■ **Trần Thị Cẩm Phi¹**

Đất đai là tài sản to lớn, là một tư liệu sản xuất đặc biệt tham gia vào tất cả các ngành sản xuất vật chất của xã hội. Và đất đai ngày càng có giá trị cao khi người sử dụng đất thực hiện đầy đủ các quyền được pháp luật cho phép và quy định, trong đó người sử dụng đất có quyền được khai thác và sử dụng thông tin đất đai từ cơ sở dữ liệu đất đai và hồ sơ địa chính tại địa phương.

Theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

1. Đối tượng được cung cấp thông tin:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cung cấp thông tin hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai. Khi nhận được Phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân thì Văn phòng đăng ký đất đai, các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cung cấp thông tin. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

2. Thủ tục cung cấp thông tin:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu đất đai nộp Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01/PYC (hoặc Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai theo Mẫu

số 02) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT hoặc gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin có ghi rõ nội dung trên Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai hoặc văn bản yêu cầu.

- Tổ chức, cá nhân nộp văn bản yêu cầu trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai, các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) hoặc gửi qua đường công văn, fax, bưu điện.

- Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận, xử lý và thông báo nghĩa vụ tài chính cho tổ chức, cá nhân (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính).

- Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính được cung cấp thông tin dữ liệu đất đai theo yêu cầu.

3. Nội dung cung cấp thông tin:

Theo Mẫu số 01/PYC và Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai.

4. Thời hạn cung cấp thông tin:

Thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định như sau:

- Không quá 02 ngày đối với trường hợp trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính đối

(Xem tiếp trang 10)

¹ - Đơn vị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh

DIỄN BIẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC TỚI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Vũ Sơn ¹

1. Diễn biến tài nguyên nước tháng 1/2020.

a. Tình hình mưa

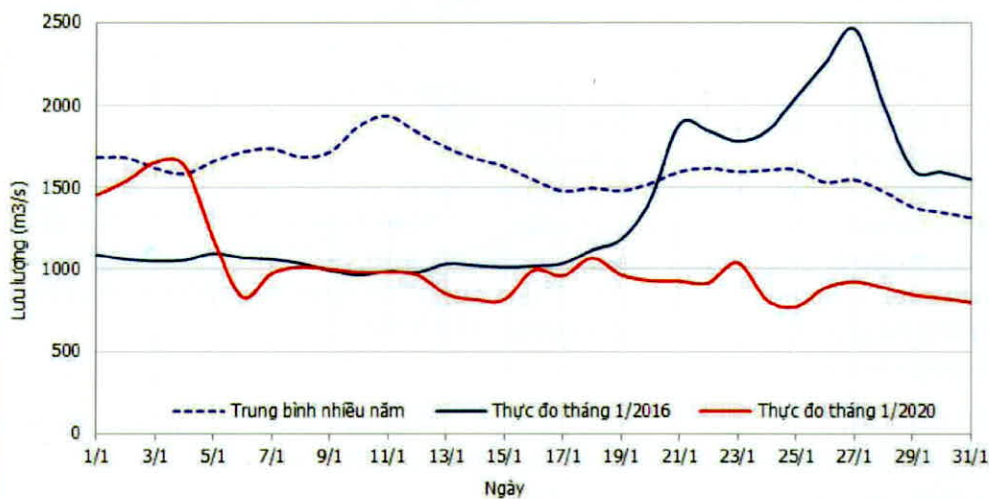
Theo số liệu quan trắc, lượng mưa trên các vùng thuộc Lưu vực sông Mê Công (Xem Bảng 1 và Bản đồ 1 ở Phụ lục 1), kể cả phần lưu vực thuộc Trung Quốc đều bị sụt giảm mạnh so với trung bình nhiều năm, đặc biệt ở khu vực hạ nguồn Lưu vực, bao gồm cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (hầu như không có mưa).

Bảng 1: Tình hình mưa Lưu vực sông Mê Công, tháng 1/2020

Lượng mưa so với	Vùng Tỉnh Vân Nam, Trung Quốc	Vùng Bắc Lào và Thái Lan	Vùng Đông Bắc Thái Lan	Vùng Trung - Nam Lào và Tây Nguyên	Vùng Châu thổ sông Mê Công
Trung bình nhiều năm	-58%	-82%	-61%	-98%	-97%

b. Xả nước của đập Trung Quốc

Do mưa ít, các đập thủy điện của Trung Quốc tại tỉnh Vân Nam đã tăng cường tích nước và chỉ xả một lượng nước rất hạn chế về hạ du để chạy tua-bin phát điện. Do đó, trong tháng 1/2020, tổng lượng dòng chảy từ Trung Quốc về trạm Chiềng Sên1 giảm 37% so với trung bình nhiều năm, và thậm chí còn ít hơn so với dòng chảy từ Trung Quốc quan trắc được vào tháng 1/2016 tới 26% (Chi tiết xem Bảng 2 và Hình 1).



Hình 1. Diễn biến dòng chảy từ Trung Quốc về trạm Chiềng Sên, tháng 1/2020

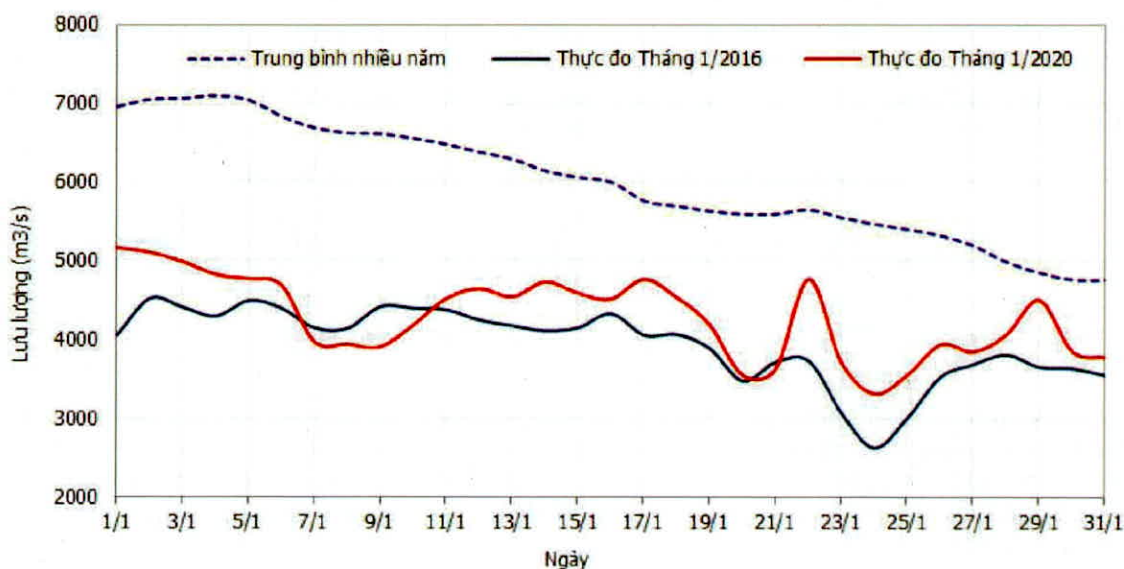
1 - Đơn vị Trung tâm Công nghệ thông tin - Tài nguyên và Môi trường

**Bảng 2. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chiềng Sẻn tháng 1/2020**

Chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với	Tổng lượng (Tỷ m ³)	Tương đối (%)
Trung bình nhiều năm	-1.62	-37%
So với tháng 1/2016	-0.96	-26%

c. Chế độ dòng chảy tại Tân Châu và Châu Đốc

Cùng với việc dòng chảy từ Trung Quốc về bị sụt giảm, là mưa rất ít trên toàn bộ các vùng ở Hạ lưu vực sông Mê Công nên tình hình sử dụng nước trên các sông nhánh, thậm chí cả trên dòng chính sông Mê Công, tăng mạnh, do đó dòng chảy về vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam qua hai trạm thủy văn Tân Châu và Châu Đốc cũng bị sụt giảm mạnh.



Hình 2. Diễn biến tổng lượng dòng chảy về trạm Tân Châu Châu Đốc, tháng 1/2020

So với trung bình nhiều năm, tổng lượng dòng chảy về Tân Châu và Châu Đốc giảm 28%, và xấp xỉ với dòng chảy về Tân Châu và Châu Đốc vào tháng 1/2016 (Chi tiết xem Bảng 3 và Hình 2).

Bảng 3. Tổng lượng dòng chảy tại các trạm Tân Châu và Châu Đốc, tháng 1/2020

Chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với	Tổng lượng (Tỷ m ³)	Tương đối (%)
Trung bình nhiều năm	-4.55	-28
So với tháng 1/2016	+0.39	+3

d. Xâm nhập mặn

Do dòng chảy về Đồng bằng sông Cửu Long bị sụt giảm mạnh và do chế độ triều bất lợi nên hiện tượng xâm nhập mặn vùng ven biển đã tăng mạnh. Đường ranh mặn 4g/l vào sâu nhất trên ba nhánh sông lớn là sông Hậu (nhánh Cổ Chiên), sông Tiền (nhánh Hàm Luông) và sông Vàm Cỏ Tây đều vào sâu hơn so với trung bình nhiều năm từ 18 đến 37 km, và thậm chí còn vào sâu hơn so với cùng kỳ tháng 1/2016 từ 7 đến 10 km (Chi tiết xem Bảng 4 và Bản đồ 2 ở Phụ lục 2).

Bảng 4. Tình hình xâm nhập mặn (ranh mặn 4g/l) vào sâu nhất tháng 1/2020

Xâm nhập mặn vào sâu nhất	Sông Hậu	Sông Tiền	Vàm Cỏ Tây
Trung bình nhiều năm	40 km	35 km	55 km
Tháng 1/2016	49 km	46 km	85 km
Tháng 1/2020	59 km	53 km	92 km
Chênh lệch so với TBNN	+19 km	+18 km	+37 km
Chênh lệch so với tháng 1/2016	+10 km	+7 km	+7 km

2. Dự báo diễn biến tài nguyên nước tháng 2/2020

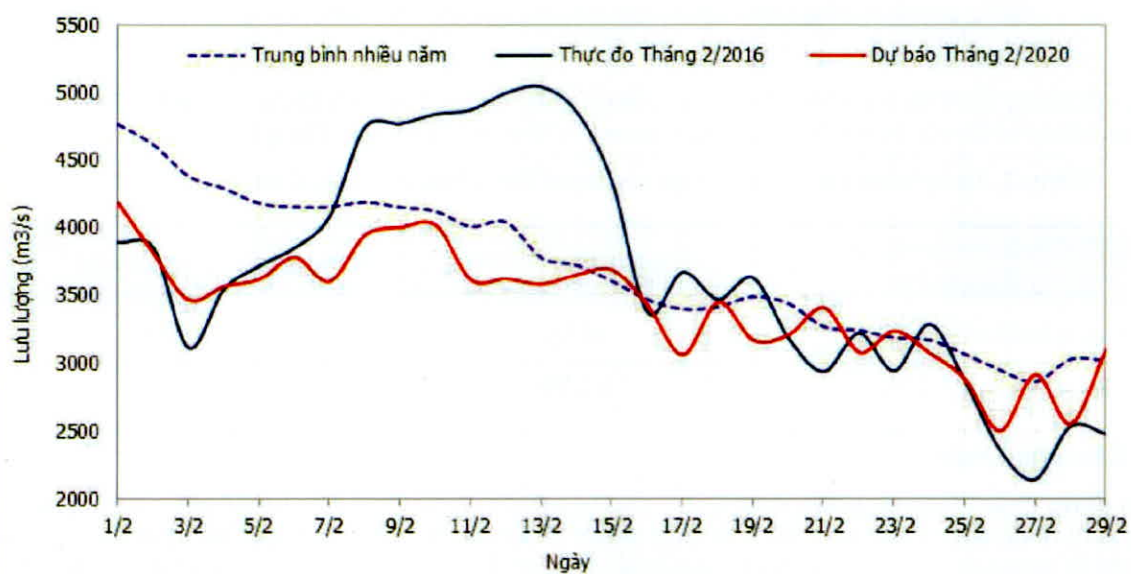
a. Dự báo dòng chảy tại Tân Châu và Châu Đốc

Dựa trên các kết quả dự báo mưa trên Lưu vực sông Mê Công, xu thế xả nước của các đập thủy điện Trung Quốc, tình hình sử dụng nước trên lưu vực và chế độ triều cho tháng 2/2020, tổng lượng dòng chảy tới vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam qua hai trạm thủy văn Tân Châu và Châu Đốc sẽ bị sụt giảm tương đối lớn (10%) so với trung bình nhiều năm và thậm chí giảm nhẹ so với tổng lượng dòng chảy cùng kỳ của năm 2016 (tháng 1/2016) là 5%.

Bảng 5. Dự báo dòng chảy tại Tân Châu và Châu Đốc

Chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với	Tổng lượng (Tỷ m ³)	Tương đối (%)
Trung bình nhiều năm	-0.91 (-2.98)	-10 (-31)
So với tháng 1/2016	-0.43 (-2.50)	-5 (-28)

Tuy nhiên, trong trường hợp cực đoan khi các đập Trung Quốc cắt giảm xả nước về hạ du cho một giai đoạn dài (khoảng 1000 m³/s như giai đoạn Trung Quốc thông báo lý do bảo trì tua bin đầu tháng 1/2020 vừa rồi), và lưu vực hầu như không có mưa thì tổng lượng dòng chảy tới Tân Châu và Châu Đốc có thể sẽ bị sụt giảm tới 30% so với trung bình nhiều năm và thấp hơn 28% so với cùng kỳ năm 2016 (Chi tiết xem Bảng 5 và Hình 3).



Hình 3. Dự báo dòng chảy tới Tân Châu và Châu Đốc tháng 2/2020



SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

GIAO NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP NĂM 2020

■ **Trần Thị Bích Trâm**¹

Thực hiện Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020;

Ngày 01/01/2020, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-ST-NMT về việc giao nhiệm vụ sự nghiệp năm 2020; trong đó Giám đốc Sở chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở tham mưu thực hiện 37 nhiệm vụ, dự án thuộc các lĩnh vực: Đất đai, môi trường, quản lý tài nguyên và Biển, công nghệ thông tin. Cụ thể:

- **Về lĩnh vực đất đai** có 08 nhiệm vụ trọng tâm như: Dự án Tích hợp CSDL, quét HSĐC và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Dự án khảo sát đo đạc, kê khai đăng ký và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất công; Phương án kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2020 tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch khảo sát đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, thực hiện hồ sơ cấp giấy và công nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; Dự án Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Dự án điều tra phân hạng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Dự án điều chỉnh dự án xây dựng hệ thống HSĐC và sơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Trà Vinh.

- **Về lĩnh vực môi trường** có 09 nhiệm vụ trọng tâm như: Kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2020; Dự toán Mua sắm lò đốt rác thải sinh hoạt cụm xã Long Hòa - Hòa Minh, huyện Châu Thành (địa phương đối ứng 800 triệu đồng); Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh 05 năm (2016 - 2020); Kế hoạch truyền thông môi trường (Kế hoạch tuyên truyền, tập huấn nâng cao

kiến thức BVMT và BDKH, kế hoạch tuyên truyền gắn với các ngày lễ lớn trong năm); Kế hoạch quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục do Sở đầu tư; Kế hoạch vận hành máy chủ và các thiết bị giám sát đặt tại phòng điều khiển của trung tâm (tiền điện, nhân công, thiết bị) của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục do Sở đầu tư; Duy trì 24 camera giám sát môi trường (đã thực hiện năm 2019); - Dự án xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác TPTV (xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bãi rác HTX Trà Vinh, phụ lục 2 Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg); Dự án xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn.

- **Về lĩnh vực Quản lý tài nguyên và Biển** có 09 nhiệm vụ trọng tâm như: Kế hoạch tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững Biển và hải đảo Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; Cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và bản đồ nhạy cảm môi trường đường bờ tỉnh Trà Vinh; Dự án Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển (giai đoạn 2) - xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Tuyên truyền ngày nước thế giới 22-3 và ngày khí tượng thế giới 23-3; Kế hoạch thu mẫu và phân tích 20 mẫu nước nguyên liệu dùng cho các nhà máy nước sạch theo chỉ đạo tại Công văn số 4642/UBND-KGVX ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu năm 2020 (chi phí cho hội đồng thẩm định); Nhiệm vụ: Đánh giá khí hậu tỉnh Trà Vinh; Nhiệm vụ Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh;

- **Về lĩnh vực công nghệ thông tin** có 09 nhiệm vụ trọng tâm như: Kế hoạch Điều tra, thu thập cập

¹ - Đơn vị Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường



nhật thông tin dữ liệu tài nguyên CSDL TNMT năm 2020; Kế hoạch Duy trì, quản lý bảo dưỡng hệ thống thông tin tại Sở TN&MT năm 2020; Kế hoạch Bảo quản hồ sơ lưu trữ ngành tài nguyên và môi trường năm 2020; Chi nhuận bút và duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường; Phương án Nâng cấp cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện: 372.850.000 đ; Nghiệm thu: 10.600.000 đ; Phương án Số hóa, xây dựng dữ liệu, tài liệu lưu trữ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường tại Sở TN và MT (gđ 2): Thực hiện XDCSDL: 226.761.000 đ; Nghiệm thu: 5.840.000 đ; Dự án xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc về tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 1); Chi phí xây dựng PM và CSDL: 620 trđ; Thiết bị: 645 trđ; chi phí khác: 60 trđ; Kế hoạch tuyên truyền phổ biến thông tin về tài nguyên và môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Đề án tổng thể Ứng dụng và Phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020-2025 (lập đề án).

- Văn phòng Sở có 02 nhiệm vụ: Sửa chữa, cải tạo công trình nhà làm việc cho các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2; Dự toán mua sắm canô phục vụ công tác Thanh tra.

Đồng thời, Giám đốc Sở giao các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm:

- Đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Sở: Hoàn thành hồ sơ chuẩn bị đầu tư các nhiệm vụ được giao tại Điều 1 trước ngày 28/02/2020 trình Giám đốc Sở phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng số lượng, chất lượng và thời gian quy định.

- Đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc của Trung ương): Giúp Giám đốc Sở trình hồ sơ chuẩn bị đầu tư của từng nhiệm vụ có liên quan cho cấp có thẩm quyền phê duyệt hoàn thành trước ngày 30/3/2020.

- Các dự án, phương án, kế hoạch, nhiệm vụ được bố trí kinh phí trong năm 2020 phải hoàn thành thủ tục thanh quyết toán trước ngày 26/12/2020.

Để triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ, dự án được giao trong năm 2020, các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở phải có kế hoạch triển khai cụ thể, tổ chức thực hiện, tham mưu và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đúng trình tự, thủ tục; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về chất lượng, tiến độ thực hiện cũng như hiệu quả đầu tư các nhiệm vụ, dự án do phòng, đơn vị tham mưu.

(Nguồn: Quyết định số 02/QĐ-STNMT ngày 01/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI ...

(Tiếp theo trang 11)

với từng thửa đất hoặc từng chủ sử dụng đất.

- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp như sau:

Trường hợp thông tin thửa đất từ 02 đến 10 thửa thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc.

Trường hợp cung cấp tổng hợp thông tin từ hai tài liệu đo đạc hoặc từ 10 thửa đất trở lên, thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc.

5. Những trường hợp không cung cấp thông tin địa chính:

- Văn bản, Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu mà

nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước không đúng quy định.

- Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; Phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

- Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

(Nguồn; Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)



THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 02 NĂM 2020 TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm ¹

I. KHÍ TƯỢNG

1. Diễn biến tình hình thời tiết trong tỉnh:

Trong tháng 01/2020 thời tiết của tỉnh phổ biến: ít mây, không mưa, sáng sớm hơi se lạnh và có nơi có mù nhẹ, ngày nắng. Riêng huyện Càng Long có mưa với lượng mưa 0,8mm (ngày 12/01)

Gió mạnh nhất hướng đông bắc 7m/s, cấp 4 (ngày 22/01).

2. Nhiệt độ tại Trạm Khí tượng Càng Long:

Cao hơn năm 2019.

- Trung bình : 26,20C thấp hơn cùng kỳ năm trước 0,40C.

- Cao nhất : 33,70C cao hơn cùng kỳ năm trước 1,10C (ngày 01/01).

- Thấp nhất : 20,80C cao hơn cùng kỳ năm trước 0,80C (ngày 06/01).

3. Lượng mưa và độ ẩm:

Thấp hơn năm 2019.

- Lượng mưa:

Lượng mưa các nơi trong tỉnh không mưa. Riêng huyện Càng Long có mưa với lượng mưa 0,8 mm (ngày 12/01).

- Độ ẩm:

Trung bình: 77%;

Thấp nhất: 32% (ngày 01/01).

4. Số giờ nắng và lượng bốc hơi:

Cao hơn năm 2018.

Tổng số giờ nắng: 280 giờ; Tổng lượng bốc hơi: 117 mm.

II. THỦY VĂN

Trong tháng 01, mực nước trên các sông chính trong tỉnh xuất hiện kỳ triều cường rầm tháng Chạp âm lịch, đỉnh triều xuất hiện vào tuần giữa tháng, ở mức cao hơn báo động I từ: 05-15cm.

1. Mực nước cao nhất:

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: 197 cm, ngày 14/01, thấp hơn cùng kỳ năm trước: 10 cm.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: 173 cm, ngày 14/01, thấp hơn cùng kỳ năm trước: 25 cm.

2. Mực nước thấp nhất:

Mực nước thấp nhất xuất hiện vào ngày giữa tuần ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm trước từ 05-10 cm.

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: -151 cm, ngày 26/01.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: -169 cm, ngày 24/01.

3. Độ mặn:

Độ mặn cao nhất:

- Trên sông Long Toàn tại Long Toàn đạt 22,5‰, ngày 30/01.

- Trên sông Cổ Chiên tại Hưng Mỹ đạt: 16,2‰, ngày 15/01; Trà Vinh: 11,7‰, ngày 11/01.

- Trên sông Hậu tại Trà Kha: 20,8‰, ngày 11/01, Cầu Quan: 12,1‰, ngày 11/01.

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KTTV THÁNG 02 NĂM 2020

I. KHÍ TƯỢNG

1. Tình hình chung:

Theo dự báo từ các Trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới đa số cho kết quả ENSO ở trạng thái trung tính nhưng vẫn nghiêng về pha nóng từ nay đến tháng 6 năm 2020 với xác suất trên 50%.

Trong tháng 02/2020 thời tiết của tỉnh chịu ảnh hưởng của rìa phía nam áp cao lạnh lục địa tăng cường và khuếch tán xuống phía nam.

Do vậy, thời tiết của tỉnh trong tháng phổ biến: ít mây, ít mưa, sáng sớm hơi se lạnh và có nơi có

¹ - Đơn vị Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển



THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

mù nhẹ, ngày nắng. Chú ý trong tháng nắng nhiều, độ ẩm thấp, bốc hơi mạnh sẽ thiếu nước nghiêm trọng cho cây trồng, cần để phòng cháy nổ...

Vùng biển từ Bà Rịa Vũng Tàu đến Cà Mau: Gió đông bắc ở mức cấp 5-6, có lúc giật trên cấp 6. Biển có lúc động.

Vùng biển Cà Mau - Kiên Giang và Phú Quốc: Gió đông bắc cấp 3-4. Biển bình thường.

2. Dự báo lượng mưa và nhiệt độ

Nhiệt độ ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Lượng mưa ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm.

KHU VỰC	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ven biển	0	26-28	31-33	22-22
Thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Châu Thành, huyện Cầu Kè	0	26-28	31-33	22-22

II. THỦY VĂN

1. Mực nước:

Trong tháng 02/2020, trên các sông chính

trong tỉnh xuất hiện 02 kỳ triều cường đầu và rằm tháng Giêng âm lịch, đỉnh triều xuất hiện vào tuần giữa tháng, ở mức cao hơn báo động II từ: 05-10cm.

Bảng giá trị mực nước tại các sông chính trong tỉnh

Trạm	Hmax(cm)	Ngày	Hmin(cm)	Ngày
Trà Vinh	160	11, 12/02	-160	11, 12/02
Cầu Quan	165	11, 12/02	-180	11, 12/02

2. Độ mặn:

Độ mặn cao nhất:

- Trên sông Long Toàn tại Long Toàn đạt 23,0‰, ngày 11,12/02.

- Trên sông Cổ Chiên tại Hưng Mỹ đạt: 15,5‰; Trà Vinh: 10,0‰ ngày 11,12/02.

- Trên sông Hậu tại Trà Kha: 19,5‰, Cầu Quan: 11,0‰, ngày 11,12/02

(Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn Trà Vinh)

NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Tiếp trang 24)

cao chất lượng quản lý; sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ địa chính đất tổ chức để phục vụ công tác khai thác cung cấp thông tin nhanh, chính xác; phần mềm quản lý hồ sơ cung cấp thông tin để theo dõi và đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ cung cấp thông tin cho các tổ chức và hộ gia đình cá nhân; ứng dụng dịch vụ cung cấp thông tin (SMS) để trả lời và thông tin cho người dân về tình trạng hồ sơ nhằm tạo sự minh bạch hạn chế tiêu cực trong thực hiện TTHC và mang lại sự hài lòng cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

d) Duy trì, mở rộng và cải tiến hiệu quả trong áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Xây dựng và ban hành bộ thủ tục hành chính theo quy trình ISO điện tử.

đ) Nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện việc nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của người dân và doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(Nguồn: Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 17/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)



ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH NĂM 2019

■ Lâm Quang Trung ¹

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-STNMT ngày 10/12/2019 tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2019 nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh được tham gia lớp đào tạo và được cấp Giấy chứng nhận đào tạo đảm bảo đủ điều kiện trong hoạt động kinh doanh xăng dầu theo đúng quy định.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Chi cục Bảo vệ môi trường đã tổ chức 01 lớp đào tạo tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh trong thời gian 03 ngày (từ 26/12 - 28/12/2019). Tham gia khóa đào tạo có tổng số 120 học viên đăng ký tham dự với khung chương trình đào tạo gồm 24 tiết với 05 chuyên đề theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014. Giảng viên tham gia lớp đào tạo là cán bộ lãnh đạo của Chi cục Bảo vệ môi trường, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đã hoàn thành khóa tập huấn đào tạo nghiệp vụ giảng viên về bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng do Trung tâm Đào tạo và Truyền thông môi trường thuộc Tổng cục Môi trường tổ chức.

Kết thúc khóa đào tạo, Giám đốc Sở đã ra Quyết định cấp giấy Chứng nhận đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu năm 2019 cho 111 học viên đủ điều kiện (đạt 92,5% số lượng đăng ký tham gia). Đây là năm thứ năm Sở hoàn thành công tác tổ chức đào tạo và đã cấp 969 giấy



Quang cảnh lớp đào tạo (Lâm Quang Trung)

Chứng nhận (trong kinh doanh xăng dầu 819 Giấy chứng nhận và trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng 150 giấy Chứng nhận).

Giấy chứng nhận là cơ sở pháp lý việc các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đã hoàn thành nghiệp vụ đào tạo về BVMT theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT, có giá trị sử dụng trong thời hạn 05 năm (kể từ ngày cấp) và trên phạm vi cả nước.

Ngoài ra, trong thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục ghi nhận thông tin đăng ký tham gia lớp đào tạo của các học viên có nhu cầu (đăng ký trực tiếp tại Chi cục Bảo vệ môi trường) và sẽ mở lớp đào tạo khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014./.

(Nguồn; Kế hoạch số 72/KH-STNMT ngày 10/12/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1 - Đơn vị Chi Cục Bảo vệ Môi trường

KẾ HOẠCH TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHO ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 03 CẤP

■ Đinh Thị Nhanh ¹

Năm 2019 thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 04 lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (03 cấp) cho 1.254 đại biểu, với tổng kinh phí 249.960.000 đồng từ nguồn đào tạo năm 2019.

Năm 2020, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4933/UBND-NN ngày 30/12/2019 về việc tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngành tài nguyên và môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tổ chức 04 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho đội ngũ công chức, viên chức 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã), chi tiết như sau:

1. Lớp tập huấn quản lý Nhà nước về đất đai:

1.1 Đại biểu tham dự

- Đại diện các cơ quan Ban Đảng của Tỉnh ủy; Các sở, ngành tỉnh; Các tổ chức chính trị - xã hội; Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (mời Lãnh đạo phòng và 01 chuyên viên); Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, thị xã, thành phố (mời lãnh đạo Chi nhánh và 05 nhân viên thực hiện nhiệm vụ xác định vị trí chuyển thông tin địa chính); Lãnh đạo UBND cấp xã; Công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã.

* Số lượng: 376 đại biểu.

1.2. Thời gian và địa điểm:

Thời gian 01 ngày, bắt đầu lúc 7 giờ 30 (ngày 02/01/2020). Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

1.3. Nội dung phổ biến

- Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND Quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Giải đáp những vướng mắc trong áp dụng Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND;

- Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND về Ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Giới thiệu cách xác định vị trí, phân loại vị trí, cách xác định điểm O... những điểm mới so với bảng giá đất 2014 - 2019.

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Giới thiệu những điểm mới, thẩm quyền xử phạt...

1.4. Báo cáo viên

Giao ông Nguyễn Quốc Tuấn – Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai biên soạn, chịu trách nhiệm về nội dung và thực hiện Báo cáo chuyên đề Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Ông Lê Văn Mười Hai – Phó Giám đốc VPĐKĐĐ biên soạn, chịu trách nhiệm về nội dung và thực hiện Báo cáo chuyên đề Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Ông Đặng Văn Mừng – Phó Chánh thanh tra biên soạn, chịu trách nhiệm về nội dung và thực hiện Báo cáo chuyên đề Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai.

2. Lớp tập huấn quản lý nhà nước về môi trường:

2.1 Đại biểu tham dự

- Đại diện các cơ quan Ban Đảng của Tỉnh ủy; các sở, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội;

1 - Đơn vị Văn phòng Sở



Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (mời Lãnh đạo phòng và 01 chuyên viên); Lãnh đạo UBND cấp xã; Công chức môi trường cấp xã; Chủ tịch Hội cựu chiến binh cấp xã; Chủ tịch Hội nông dân cấp xã.

* Số lượng: 484 đại biểu.

2.2. Thời gian và địa điểm. Thời gian: 01 ngày, bắt đầu lúc 7 giờ 30 (dự kiến tháng 4/2020). Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

2.3. Nội dung phổ biến

Những văn bản QPPL mới về lĩnh vực môi trường; hướng dẫn nghiệp vụ công tác bảo vệ môi trường tại địa phương, ...

2.4 Báo cáo viên; Thuê khoán báo cáo viên là công chức công tác tại các cơ quan cấp tỉnh có năng lực chuyên môn nghiệp vụ để biên soạn tài liệu và báo cáo bài.

3. Lớp tập huấn công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản

3.1. Đại biểu tham dự

- Đại diện lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố; 01 lãnh đạo và 02 công chức; Lãnh đạo UBND cấp xã; Công chức Địa chính – Xây dựng cấp xã.

* Số lượng: 267 đại biểu.

3.2. Thời gian và địa điểm. Thời gian: 01 ngày, bắt đầu lúc 7 giờ 30 (dự kiến tháng 5/2020). Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

3.3. Nội dung phổ biến

Những văn bản QPPL mới về lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản; hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, ...

3.4 Báo cáo viên:

Thuê khoán báo cáo viên là công chức công tác tại các cơ quan cấp tỉnh có năng lực chuyên môn nghiệp vụ để biên soạn tài liệu và báo cáo bài.

4. Lớp tập huấn kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tài nguyên và Môi trường:

4.1. Đại biểu tham dự

- Đại diện các cơ quan Ban Đảng của Tỉnh ủy; các sở, ngành tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội; Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Kiểm tra – Thanh tra huyện, thị xã, thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (mời Lãnh đạo phòng và 01 chuyên viên); Lãnh đạo UBND cấp xã; Công chức Địa chính – Xây dựng cấp xã;

- Trưởng Công an cấp xã.

* Số lượng: 493 đại biểu

4.2. Thời gian và địa điểm Thời gian: 01 ngày, bắt đầu lúc 7 giờ 30 (dự kiến tháng 6/2020). Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

4.3. Nội dung phổ biến

Triển khai nghiệp vụ công tác thanh tra; quy trình xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường,...

4.4 Báo cáo viên: Thuê khoán báo cáo viên là công chức công tác tại các cơ quan cấp tỉnh có năng lực chuyên môn nghiệp vụ để biên soạn tài liệu và báo cáo bài.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện của (04 lớp) là: 311.390.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng), từ nguồn kinh phí đào tạo năm 2020 cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

* TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng quản lý Tài nguyên và Biển, Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Bảo vệ Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung trong Kế hoạch; thuê khoán Báo cáo viên, cử chuyên viên hỗ trợ công tác chuẩn bị tài liệu, nước uống và phối hợp quản lý lớp đảm bảo thời gian, chương trình đã đề ra;

Giao thủ trưởng các đơn vị: Thanh tra Sở, Phòng quản lý Tài nguyên và Biển, Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Bảo vệ Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Sở tổng hợp chung để tham mưu Lãnh đạo Sở báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh (Sau khi kết thúc lớp tập huấn 05 ngày làm việc).

NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020 CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

■ Đinh Thị Nhanh¹

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

Triển khai Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2020. Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường với những nội dung cụ thể:

I. MỤC TIÊU

1. Tham mưu HĐND, UBND ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2020 lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở; xây dựng hệ thống TTHC đơn giản, công khai, minh bạch; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

3. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Sở bảo đảm tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; đẩy mạnh cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động (CCVCN-LĐ) chuyên sâu, chuyên nghiệp, có phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo việc phân bổ các nguồn kinh phí đúng mục tiêu và hiệu quả.

6. Tiếp tục thực hiện duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn

quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại cơ quan.

II. NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị thuộc sở trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch CCHC năm 2020 bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và hiệu quả.

b) Đa dạng các hình thức tuyên truyền về CCHC; tổ chức và triển khai các phong trào thi đua thực hiện công tác CCHC của Sở gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng.

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên về CCHC, cải cách TTHC về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức.

d) Đề ra các biện pháp khắc phục, cải thiện kết quả thực hiện CCHC trong năm 2020 trên cơ sở phân tích các kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của Sở theo hướng dẫn của Sở Nội vụ; Tổ chức thực hiện việc đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các TTHC đang vận hành tại Trung tâm hành chính công tỉnh Trà Vinh.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả mô hình "Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm" theo Kế hoạch được ban hành tại Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 và Công văn số 732/UBND-NC ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh; duy trì thông suốt hoạt động các đường dây nóng kịp thời phát hiện và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc của người dân về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

e) Tổ chức sơ, tổng kết công tác CCHC nhằm đánh giá kết quả đã đạt được, đề xuất giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc và đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện trong thời gian tới.

2. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng 05 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2020 thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

1 - Đơn vị Văn phòng Sở



đảm bảo đúng trình tự, thủ tục để UBND tỉnh và HĐND tỉnh ban hành theo quy định.

b) Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL đã tham mưu UBND tỉnh và HĐND tỉnh ban hành nhằm kịp thời kiến nghị tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành các văn bản mới cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

c) Đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường với đa dạng các hình thức, cụ thể: Xuất bản 1.646 quyển bản tin Tài nguyên và Môi trường, cấp phát đến các sở ngành cấp tỉnh là 34, ban ngành cấp huyện là 54, cấp xã và ấp, khóm là 1.558 quyển; Tổ chức 04 lớp hội nghị tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và đồng thời tuyên truyền các chính sách pháp luật của ngành trên trang thông tin điện tử Tài nguyên và Môi trường; mạng xã hội zalo, facebook Sở Tài nguyên và Môi trường đồng hành cùng doanh nghiệp...; tổ chức hiệu quả các ngày lễ lớn, sự kiện về tài nguyên và môi trường trong năm; tuyên truyền phổ biến rộng rãi, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chống rác thải nhựa và bảo vệ môi trường, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát, phản biện về tài nguyên và môi trường.

d) Thể chế hóa nguyên tắc phân công, phối hợp trong thực thi nhiệm vụ; phòng, chống tham nhũng; tăng cường tính công khai, minh bạch, cụ thể bằng các Quyết định giao nhiệm vụ sự nghiệp năm 2020; Quyết định sửa đổi Quy chế hoạt động của Sở; Quyết định sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở; Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và Luân chuyển cán bộ công chức năm 2020 với phương châm hành động "Kỷ cương, trách nhiệm, Hành động, Sáng tạo, Bức phá, Về đích".

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện đúng các quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả, giải quyết nhanh hồ sơ TTHC cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp với số lượng 141.000 hồ sơ, trong đó, tỷ lệ hồ sơ trả đúng hoặc trước hạn là 138.885 hồ sơ đạt tỷ lệ 98,5%.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, cập nhật các quy định TTHC, kịp thời kiến nghị UBND tỉnh bãi bỏ, công bố mới TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bảo đảm đúng quy định; nghiên cứu các giải pháp cắt hợp lý thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện hồ sơ TTHC. Bên cạnh đó, tiến

hành rà soát, đề xuất các giải pháp rút ngắn quy trình, thủ tục thực hiện nhằm cải cách cơ bản một số TTHC thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường có liên quan đến cá nhân, doanh nghiệp.

c) Đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường được niêm yết công khai tại trụ sở tiếp công dân của đơn vị; Trung tâm hành chính công tỉnh Trà Vinh, trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Phân công công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Trà Vinh và tại bộ phận một cửa của Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện đảm bảo có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh về ban hành triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

d) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và xử lý phản hồi những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về lĩnh vực tài nguyên và môi trường qua hai số điện thoại đường dây nóng: 0962.248214, 0968.457459.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường tinh gọn hoạt động hiệu lực hiệu quả theo Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng Đề án chuyển 02 Chi cục thành phòng thuộc Sở; văn bản xin ý kiến không thực hiện việc sáp nhập hai đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; kiện toàn mô hình tổ chức của Trung tâm phát triển quỹ đất.

b) Thực hiện tốt các quy định về phân cấp; quản lý, sử dụng biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp đúng quy định bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả theo quy định.

c) Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện đủ để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ công chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt,



bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng thực thi công vụ của từng công chức để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Tiếp tục thực hiện kế hoạch điều động, luân chuyển công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và chuyển đổi vị trí công tác công chức, viên chức năm 2020 đối với 03 vị trí nhằm để chuẩn hóa đội ngũ kế thừa và xây dựng đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý chuyên sâu, am hiểu trên tất cả các lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường; xây dựng kế hoạch thi tuyển công chức với 03 chỉ tiêu cần tuyển dụng trong năm; xét chuyển 01 viên chức thành công chức không qua thi tuyển; tuyển dụng 03 viên chức (sau khi Sở Nội vụ thẩm định); rà soát danh sách đăng ký nhu cầu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; lập quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 04 chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Mặt khác, để chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng viên chức và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Cụ thể: Cao cấp lý luận chính trị: 04 người; Trung cấp lý luận chính trị: 02 người; Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính: 03 người; Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên: 03 người; Kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, Vị trí việc làm: 17 người; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Sở và cấp phòng: 06 người,... và các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác theo Thông báo chiêu sinh của Sở Nội vụ.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đơn vị nhằm phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời đối với công chức, viên chức, người lao động có hành vi vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín với Nhân dân.

đ) Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và Nghị định của Chính phủ, đảm bảo công tâm, khách quan, đánh giá đúng thực chất năng lực của từng người.

6. Cải cách tài chính công

a) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng NSNN và tài sản công: rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ của Sở và các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở theo hướng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, kinh phí,...; Rà soát các văn bản có liên quan đến hoạt động tự chủ của các đơn vị sự

nh nghiệp: đơn giá thu dịch vụ sự nghiệp công; điều kiện, đối tượng áp dụng nhiệm vụ đặt hàng giao nhiệm vụ sự nghiệp cho các đơn vị thuộc Sở

b) Nâng cao hiệu quả trong thực hiện các quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đảm bảo mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước; Xây dựng đề án tự chủ về tài chính từ năm 2021 cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

c) Giao nhiệm vụ sự nghiệp năm 2020 cho các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc đảm bảo việc phân bổ, sử dụng ngân sách và các nguồn kinh phí khác minh bạch, quản lý theo mục tiêu.

d) Tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn cho công chức, viên chức và người lao động thực hiện công tác quản lý tài chính của các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của Sở; sử dụng tốt hệ thống quản lý văn bản, trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư; 100% công chức, viên chức và người lao động sử dụng hộp thư điện tử của tỉnh (@travinh.gov.vn); 100% văn bản, tài liệu (không mật) là tài liệu điện tử, trao đổi trên môi trường mạng và kết nối, gửi nhận văn bản trên trực liên thông giữa các sở, ban ngành trong tỉnh được cung cấp bởi phần mềm I-Office; phần đầu 100% văn bản điện tử được xác thực chữ ký số.

b) Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đảm bảo số TTHC được áp dụng công trực tuyến mức độ 3,4 là từ 25-30/96 số TTHC đang áp dụng tại Sở (chiếm tỷ lệ 31%); tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích từ 25-30/96 số TTHC đang áp dụng tại Sở (chiếm tỷ lệ 31%).

c) Thực hiện dự án ứng dụng GIS vào công tác quản lý lĩnh vực ngành Tài nguyên và Môi trường; Duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, thực hiện việc trao đổi văn bản trên môi trường mạng, giảm bớt giấy tờ hành chính; sử dụng phần mềm Vilis trong quản lý thông tin đất đai, phần mềm VNPT- iGate đối với các TTHC lĩnh vực còn lại của ngành nhằm nâng

(Xem tiếp trang 18)

THƯ MỜI CỘNG TÁC VIẾT VÀ GỬI TIN, BÀI BÁO

Kính gửi Quý Bạn đọc,

Đây là bản Thông tin Tài nguyên và Môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường biên soạn, phát hành hàng tháng với số lượng 1.646 quyển, mong muốn tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung và lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói riêng đến quần chúng nhân dân, đồng thời tăng cường nâng cao kiến thức quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Để chất lượng và nội dung bản Thông tin Tài nguyên và Môi trường ngày càng tốt hơn, Sở Tài nguyên và Môi trường rất mong nhận được ý kiến phản hồi nhận xét của quý bạn đọc, đồng thời mong nhận được sự hợp tác viết tin, bài, hình ảnh gửi đến Ban Biên tập thông tin của Sở trong thời gian tới. Những tin, bài, hình ảnh được đăng sẽ thực hiện chế độ chi trả nhuận bút theo đúng quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự ủng hộ và cộng tác của quý bạn đọc.

THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI TIN BÀI CỘNG TÁC NHƯ SAU:

1. Yêu cầu chung:

Tin, bài, hình ảnh viết về các chính sách, pháp luật, sự kiện nổi bật của ngành Tài nguyên và Môi trường, các hoạt động liên quan đến ngành tại địa phương, trong nước và quốc tế.

- Bài viết có *nội dung mới, chưa gửi đăng* trên website hoặc tạp chí, báo và tài liệu khác, khuyến khích tác giả cung cấp ảnh minh họa, đảm bảo đúng quyền tác giả.

- Tin cần đặt tiêu đề ngắn gọn bao hàm ý nghĩa nội dung, nội dung cần súc tích, bố cục rõ ràng, khuyến khích tác giả cung cấp ảnh minh họa.

- Cuối tin, bài là các dữ liệu của tác giả: Họ tên, chức danh, học hàm, học vị, đơn vị, địa chỉ liên lạc, điện thoại, email. Nếu có ảnh minh họa cho tin, bài viết, tác giả cần gửi kèm file ảnh theo bài viết.

- Cần chú thích bổ sung nguồn tài liệu tham khảo của ảnh và tin, bài (nếu có).

2. Thẻ thức trình bày tin, bài:

Tin và bài viết soạn thảo trên phần mềm Word, khổ giấy A4, font chữ: Times New Roman, phần nội dung trình bày cách lề trái 3 cm, cách lề phải 2 cm, giãn cách dòng cách dòng (single).

- Tên bài: font chữ: Times New Roman, cỡ chữ: **14 pt**, bảng mã Unicode, in đậm (**bold**)

- Nội dung: font chữ: Times New Roman, cỡ chữ: **12 pt**, bảng mã Unicode,

- Hình ảnh minh họa: ghi rõ tên tác giả hoặc nguồn sử dụng,

3. Địa chỉ tiếp nhận tin, bài, ý kiến của bạn đọc:

Mọi tin, bài cộng tác hoặc ý kiến nhận xét đóng góp cho bản tin xin gửi về Ban biên tập theo các hình thức sau:

- Gửi bài trực tiếp: tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, số 478A, Mậu Thân, Khóm 3, Phường 6, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh - Điện thoại: 02943.840.280.

Hoặc: Gửi bài vào địa chỉ hộp thư (Email): bbtstnmt@gmail.com.

BAN BIÊN TẬP

